

CÁC BỘ

*BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG*

**THÔNG TƯ số 2345/1998/TT-BKHCNMT
ngày 04/12/1998 hướng dẫn xác định
và công nhận doanh nghiệp công
nghiệp kỹ thuật cao hoạt động theo
Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.**

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/5/1993 của
Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ
máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của
Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp,
khu chế xuất, khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày
23/1/1998 của Chính phủ về một số biện pháp
khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực
tiếp nước ngoài tại Việt Nam;*

*Nhằm khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi
cho việc thu hút vốn đầu tư về công nghệ cao từ
nước ngoài; Thông tư này hướng dẫn xác định và
công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao
trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công
nghệ cao.*

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm các doanh nghiệp công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng), sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục I Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của

Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định 10/1998).

Những doanh nghiệp công nghiệp được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao phải là những doanh nghiệp công nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, đã được cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao (điện tử, vi điện tử, tin học, viễn thông, tự động hóa, cơ khí chính xác, sinh học, vật liệu mới, hạt nhân), có doanh thu từ việc sản xuất và bán các sản phẩm công nghệ cao (được định nghĩa tại Điểm g, Mục 3, Phần I của Thông tư này) chiếm ít nhất 70% tổng doanh thu của doanh nghiệp và đã hoạt động ít nhất được 01 năm.

Các doanh nghiệp công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, căn cứ vào hướng dẫn tại Thông tư này tự xem xét, ở bất kỳ thời điểm nào, sau ít nhất là 01 năm hoạt động, nếu thấy có đủ điều kiện và tiêu chuẩn có thể làm đơn đăng ký được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao.

2. Chế độ ưu đãi đối với doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao:

Doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao được hưởng đầy đủ các chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật, như quy định tại các điều khoản thuộc Chương VII Nghị định số 12/CP ngày 18/2/1997 (sau đây gọi tắt là Nghị định 12/CP), và Chương III Nghị định số 10/1998, một số ưu đãi cụ thể như sau:

a) Miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu sản xuất trong 5 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất;

b) Được hưởng thuế suất ưu đãi theo Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 12/CP;

c) Miễn thuế lợi tức (kể từ ngày 01 tháng 1 năm 1999 là thuế thu nhập doanh nghiệp) trong 4 năm kể từ ngày hết hạn miễn thuế theo quy định tại

Khoản 3 Điều 56 Nghị định số 12/CP hoặc được hưởng tổng thời hạn miễn thuế lợi tức là 8 năm nếu trước đó doanh nghiệp chưa được hưởng đủ thời hạn miễn thuế 4 năm;

d) Giảm 50% thuế lợi tức trong 4 năm tiếp theo kể từ khi hết hạn miễn thuế lợi tức cho doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao;

e) Thuế suất ưu đãi được hưởng trong suốt thời hạn của dự án;

f) Bất kể doanh nghiệp công nghiệp được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao vào thời điểm nào, tổng thời gian doanh nghiệp đó có thể được hưởng miễn thuế lợi tức tới 8 năm (theo Điều 17.2.c, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp), trong đó kể cả thời hạn được hưởng miễn thuế theo Khoản 3 Điều 56 của Nghị định số 12/CP).

3. Giải thích các thuật ngữ:

Trong Thông tư này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Dây chuyền công nghệ đạt trình độ tiên tiến* là dây chuyền sản xuất chuyên môn hóa, được tổ chức theo phương pháp cơ giới hóa, trong đó ít nhất phải có 1/3 (một phần ba) các thiết bị tự động được điều khiển theo chương trình; trên dây chuyền sản xuất không có các khâu lao động thủ công nặng nhọc; dây chuyền sản xuất được bố trí trong không gian đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Hệ thống quản lý doanh nghiệp phải là hệ thống tiên tiến (tin học hóa một số khâu như: quản lý công nghệ, vật tư, tiếp thị...).

b) *Doanh thu* là tổng các khoản thu tính theo hóa đơn bán sản phẩm hoàn chỉnh và/hoặc linh kiện, bộ phận có kỹ thuật cao do doanh nghiệp sản xuất ra, và/hoặc từ các dịch vụ kỹ thuật cao, không bao gồm các khoản thu do bán các sản phẩm, linh kiện, bộ phận mua từ bất cứ nguồn nào, hoặc do các hoạt động dịch vụ thông thường mang lại và các khoản thu khác.

c) *Các linh kiện, bộ phận có kỹ thuật cao:*

- Trong lĩnh vực điện tử là các bản mạch, các tụ, chiết áp, trở kháng, các rơle, cuộn dây, súng phóng tia điện tử, các loại đèn hình, các IC, các "chip" điện tử.... dùng trong các sản phẩm điện tử.

- Trong lĩnh vực tự động hóa, cơ khí, chế tạo máy là các chi tiết, bộ phận có cấp chính xác bậc 2 trở lên, các van điều tiết, điều khiển thủy lực, khí nén, các cơ cấu cam, các bộ con quay định hướng, các loại dụng cụ chính xác, dụng cụ đo, đồng hồ so, đồng hồ đo chính xác.

- Trong lĩnh vực vật liệu mới, hóa chất, dược phẩm, sinh học, thực phẩm... là các hóa phẩm vi lượng, các hóa chất tinh khiết, các chất xúc tác, các chất kích thích, premix, enzim.

Các phần mềm máy tính dùng trong các hệ thống điều khiển các thiết bị tự động, trong các thiết bị thông tin, các hệ thống thiết bị quản lý công nghệ và quản lý doanh nghiệp, cũng coi là các bộ phận có kỹ thuật cao.

d) *Dịch vụ kỹ thuật cao* là dịch vụ đòi hỏi người thực hiện phải có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật cao.

e) *Hoạt động dịch vụ thông thường* là hoạt động dịch vụ không đòi hỏi người thực hiện phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và không phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật cao.

f) *Số đầu người để tính các chỉ tiêu quy định tại Thông tư này* là tổng số người lao động (người Việt Nam và người nước ngoài) làm việc trong năm, không tính những người làm việc dưới 3 tháng.

g) *Sản phẩm công nghệ cao* là các sản phẩm bao gồm các linh kiện, bộ phận có kỹ thuật cao nói tại Điểm c, Mục 3 Phần I của Thông tư này, các phần mềm máy tính.

h) *Nguyên nhân bất khả kháng* là nguyên nhân xuất phát từ những sự cố không lường trước được như thiên tai, tai họa bất ngờ, cấm vận, thay đổi chính sách của các Chính phủ có liên quan đến việc thực hiện dự án...

II. TIÊU CHUẨN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO

Những doanh nghiệp quy định tại Mục 1 Phần I Thông tư này đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao:

1. Dây chuyền công nghệ phải đạt trình độ tiên tiến, sản phẩm có thể xuất khẩu được, hoặc sản phẩm tiêu thụ trong nước phải có chất lượng tương đương sản phẩm nhập khẩu cùng loại. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp phải có chứng chỉ đạt tiêu chuẩn ISO 9000.

2. Giá trị trang thiết bị công nghệ tính bình quân cho một đầu người là 40.000 USD trở lên.

Đối với các doanh nghiệp chuyên sản xuất các phần mềm máy tính thì được xem như đạt tiêu chuẩn quy định tại Mục 2 Phần II của Thông tư này.

3. Tỷ lệ giá trị các linh kiện, bộ phận có kỹ thuật cao do bản thân xí nghiệp sản xuất (tỷ lệ nội địa hóa) phải đạt ít nhất là 2% doanh thu hàng năm hoặc tổng giá trị các bộ phận đó do doanh nghiệp sản xuất và do các doanh nghiệp công nghiệp khác tại Việt Nam sản xuất phải đạt ít nhất là 15% doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

4. Số lao động trong doanh nghiệp:

a) Ít nhất 40% tổng số cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên của doanh nghiệp phải được thực tập nghiệp vụ tại các cơ sở nghiên cứu triển khai và/hoặc các cơ sở sản xuất hiện đại ở nước ngoài.

b) 100% cán bộ trung cấp và công nhân phải được doanh nghiệp đào tạo nghiệp vụ hoặc tay nghề, trong đó ít nhất 5% được đào tạo trên dây chuyền sản xuất hiện đại ở nước ngoài.

5. Chi phí cho công tác nghiên cứu - triển khai, đào tạo, huấn luyện chiếm tỷ lệ không dưới 2% doanh thu hàng năm.

Nếu hoạt động nghiên cứu - triển khai, đào tạo, huấn luyện được thực hiện miễn phí hoặc một phần miễn phí thì giá trị miễn phí cũng được tính trong tỷ lệ nói trên.

Đối với các doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 10.000.000 USD trở lên thì chi phí nghiên cứu - triển khai, đào tạo, huấn luyện hàng năm không thấp hơn 200.000 USD.

Nếu có Hợp đồng chuyển giao công nghệ được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt thì 4 năm đầu (kể từ khi Hợp đồng chuyển giao công nghệ được phê duyệt) doanh nghiệp được xem như đạt tiêu chuẩn quy định tại Mục 5 Phần II của Thông tư này.

6. Doanh thu hàng năm tính theo đầu người phải đạt tương đương 70.000 USD trở lên.

Đối với các doanh nghiệp công nghiệp có vốn pháp định trên 30.000.000 USD với số lao động trên 1.000 người thì chỉ tiêu quy định tại Mục 6 này (doanh thu hàng năm trên một người lao động) không yêu cầu phải tính.

7. Đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

Các chỉ tiêu nêu trong Phần II của Thông tư này phải được tính toán từ những số liệu thống kê của doanh nghiệp trong năm hoạt động trước liền kề.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Để được xem xét cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao, doanh nghiệp cần phải gửi những hồ sơ sau về Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

a) Đơn đăng ký công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao;

b) Giải trình kinh tế - kỹ thuật của dự án đã được cơ quan cấp giấy phép đầu tư xem xét;

c) Bản sao giấy phép đầu tư;

d) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp năm trước liền kề, có xác nhận của cơ quan kiểm toán;

e) Bản giải trình nội dung hoạt động của doanh nghiệp.

2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan cấp, thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao. Văn phòng Thẩm định Công nghệ và Môi trường các dự án đầu tư thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét, quyết định cấp, thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ra quyết định công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao.

Trong trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện và tiêu chuẩn để được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao thì Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phải trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp biết rõ lý do.

4. Trong trường hợp Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường yêu cầu doanh nghiệp đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao bổ sung hồ sơ thì doanh nghiệp đó có nghĩa vụ đáp ứng các yêu cầu này trong thời hạn 45 ngày, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu. Quá thời hạn trên, nếu các yêu cầu nói trên không được làm rõ thì đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao không còn giá trị.

5. Sau khi ra quyết định công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường sẽ thông báo với cơ quan có thẩm quyền đã quyết định cấp giấy phép đầu tư để điều chỉnh quyết định và cho doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật.

6. Doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao có trách nhiệm gửi về Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường báo cáo tình hình hoạt động hàng năm không muộn hơn ngày 15 tháng 1 của năm tiếp theo.

7. Trong quá trình hoạt động, nếu doanh nghiệp

không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Phần II của Thông tư này thì sẽ bị thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao.

8. Doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao có quyền khiếu nại đối với những hành vi, quyết định vi phạm pháp luật, có liên quan đến việc công nhận doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để hướng dẫn giải quyết cụ thể.

Bộ trưởng
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

CHU TUẤN NHẠ

09662526